TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2023.
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH HÀ TĨNH

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Lê Văn Phú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thảo và ông Phạm Ngạch.

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh*** *tham gia phiên toà*: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 03/02/2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXX - HNGĐ ngày 04/4/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh (nay đang chấp hành án tại đội 14, phân trai số 1 trại giam Xuân Hà, cục C10 Bộ Công an, địa chỉ: xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại Tổ dân phố 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian khoảng hai tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T dính vào tệ nạn xã hội, không có trách nhiệm với chị L và gia đình dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2015 anh T bị Công an bắt về giam tội về tội phạm ma túy. Nay chị L làm đơn xin ly hôn vì tình cảm, hạnh phúc hôn nhân không còn nữa, vợ

chồng sống ly thân từ lâu, nay đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Nguyễn Mộc M, sinh ngày 29/12/2014, chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho được nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn T tại bản tự khai ngày 07/02/2023 và tại phiên hòa giải trình bày:

Anh Lê Văn T khai đăng ký kết hôn với chị Nguyễn Thị L vào ngày 07/3/2014 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống tại Tổ dân phố 5, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì anh T bị bắt và bị xử phạt 15 năm tù về tội Ma túy, nay đang chấp hành án tại đội 14, phân trai số 1 trại giam Xuân Hà, cục C10 Bộ Công an, địa chỉ: xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Đã biết chị L làm đơn xin ly hôn và đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, không nhất trí ly hôn. Tại phiên hòa giải ngày 06/3/2023 anh T trình bày: Về tình cảm chị L không còn tình cảm với anh T nữa thì anh đồng ý ly hôn, nhưng vì anh T là người theo Đạo Thiên Chúa giáo nên tôi không thể ký vào hồ sơ thuận tình ly hôn, nên đề nghị Tòa án xét xét giải quyết vắng mặt anh T và anh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Về con chung: Vợ chồng một có con chung tên Lê Nguyễn Mộc M, sinh ngày 29/12/2014, nếu tòa án giải quyết ly hôn anh T có ý kiến nên giao con cho ông, bà nội là cha mẹ anh T được quyền nuôi dưỡng con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Nếu không được chấp nhận đề nghị giải quyết theo qui định của pháp luật.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng chị L và anh T không thể không thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, nên vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn thực hiện tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014 chÊp nhËn nội dung đơn khëi kiÖn cña chị Nguyễn Thị L, đồng ý cho chị L ly hôn với anh T.

- Về con cái: Giao con Lê Nguyễn Mộc M, sinh ngày 29/12/2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản: Các bên đương sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Buộc nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện H giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn T có địa chỉ, nơi cư trú rõ ràng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

[2] Bị đơn anh Lê Văn T đã biết được tòa án thụ lý vụ án, có bản tự khai, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau. Vì vậy vụ án phải đưa ra xét xử. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 07/3/2014 nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo chị L trình bày: Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Lý do là anh T không chăm lo làm ăn, dính vào tệ nạn xã hội, không có trách nhiệm với chị L và gia đình dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn, nay tình cảm vợ chồng không còn nữa đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Lê Văn T. HĐXX nhận thấy vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được nữa. Việc chị L làm đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên HĐXX chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Văn T.

[4] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lê Nguyễn Mộc M, sinh ngày 29/12/2014. Chị L, anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Việc giao con chưa T niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con để con phát triển khỏe mạnh, bình thường. Xét thấy việc chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con là chính đáng, đảm bảo đủ điều kiện về mọi mặt để nuôi con, vì cháu là con gái phát triển về tâm sinh tâm sinh lý, mẹ là phụ nữ nên chăm

sóc tốt hơn nên giao cho chị L trực tiếp nuôi là phù hợp, ý kiến con Lê Nguyễn Mộc M có nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng, cũng như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, HĐXX căn cứ vào Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên giao con cho chị L nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cấm theo quy định tại Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Lê Nguyễn Mộc M, sinh ngày 29/12/2014 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai có quyền ngăn cản và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn. Chị L đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007891 ngày 03/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện H;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn H;
- Chi cục THADS H;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Quốc Thảo **Phạm ngạch** **Lê Văn phú**